

ĐỒNG HỒ QUẢ LẮC

Cuối năm Canh Dần trời mưa dữ. Mà mưa dữ là do hết cơn bão lớn lại đến cơn bão nhỏ nối đuôi nhau từ biển đông kéo nhau vào tàn phá từ cực bắc miền Trung đến cực nam. Như một hệ lụy đã bão thì phải có mưa nên nước lũ thi nhau đổ như thác xuống miền xuôi. Xưa thì rừng cây rậm rạp, lũ muốn “bò” nhanh cũng chẳng được. Nay đồi trọc rừng thưa, nó chảy nhanh hơn điện mà thủy điện lại vỡ bờ, “điện” lại càng thêm “điện”. Nó quật ta chết không kịp chạy.



Chính trong những ngày quê hương ruột thịt miền Trung điên đảo vì... nước ấy thì ở ngoài Bắc đúng vào dịp lễ kỷ niệm “Một ngàn năm Thăng Long”. Nhìn lên màn ảnh nhỏ cũng như lời đài cho

biết mấy hôm trước là thời tiết khí hậu mát mẻ lắm, trong lành lắm. Quả nhiên thành phố tung bùng cờ hoa; pháo bông, pháo biếc, áo dài màu nọ màu kia của các cô gái ba miền “đeo” nụ cười tươi như hoa đi ra đi dzô trên cầu Thê Húc làm đèn Ngọc Sơn mát cả mùi hoa sữa – một niềm kiêu hãnh của người Hà Nội, mà trong thơ nhạc đều văng vẳng ngợi ca. Mừng thay loài cây đó chi hợp với phong thổ đất đai Hà Nội - các nơi khác trồng rất khó. Cũng như quýt trồng ở Giang Nam thì ngọt đem trồng ở nơi khác thì chua lè giống như trái quýt (tắc) dùng chế nước chấm vào mùa chanh hiêm. Nhìn cảnh tung bùng có người mơ ước: Tính từ thời vua Lý Thái Tổ rời đô – từ Hoa Lư về thành Đại La, thấy rồng bay lên nên đổi Đại La thành Thăng Long. Vậy thì từ bấy đến nay – nghìn năm rồi – con cháu cụ Rồng thuộc loài thủy tộc biết hút nước lại biết phun nước như trong lời kể dân gian – tính ra con cái cháu chắt chút chút của cụ Rồng kể đến hàng trăm triệu. Hàng trăm triệu ấy các cụ phân công vài trăm vị nhào lộn biểu diễn ở Hà thành còn bao nhiêu biệt phái vào miền Trung thò vòi xuống hút rồi bay ra biển đông phun xuống hết thì dân chúng đâu đến nổi trắng tay, nhà trôi của mất. Ấy

con người đang gắn huyền thoại vào thực tế, nơi một giấc mơ không tưởng là thằng bạn tôi năm nay đã hơn bảy chục tuổi đầu. Nó quê ở vùng Bình Sơn – Quảng Ngãi và dù là bỏ quê nghèo đói đi kiếm ăn nơi này ngọt ghết sáu mươi năm vẫn thương quê trước cảnh bão lũ tung hoành, và người đang cúi đầu lẩm bẩm: “Rồng phun nước lúc trời hạn hán sao giờ không lộn vài vòng hút nước đi cho dân đỡ khô?”

- A, rồng bay hay rồng lộn, rồng đứng hay rồng nằm đều do trời sai khiến cả...

- Sao vậy?

- Thì trời được phong là chúa tể muôn loài. Người người sợ hãi xưng tụng là Ngọc Hoàng Thượng đế. Ghế ngài ngồi, giường ngài nằm, xe ngài đi đều có đôi rồng nhe nanh múa vuốt bảo vệ và có tên gọi vô cùng cao quý nào là long ý, long sàng, long xa khác hẳn với cái ghế, cái giường, cái xe của phường dân dã. Tuy cái giường của bọn Tàu sau này chế ra nằm có đập lên đập xuống êm như ru cũng chỉ được gọi là giường Hồng Kông mà thôi. Nói tóm lại Rồng cũng chỉ là một nhân vật chân tay thân tín của trời. Trời sai làm gì thì làm y như thế.

Ròng cũng như một cái máy không có tim. Nếu có tim thì đã chẳng quan tâm tới hội hè đình đám mà phải bay vù vào hút nước cho dân quê ông rồi....

- Vậy là trời hành quê tôi ?

- Chứ sao nữa. Cụ Nguyễn Gia Thiều, mặc dù là con cháu nhà trời được phong đến tước hầu tự Ôn Như, cụ cũng vẫn vạch mặt chỉ tên sự thâm độc vô tiền khoáng hậu của trời. “Cái sự” giết người ở quê ông coi như một việc bình thường của trời, lúc ngài vui buồn bất tử. Chứ bản chất của ngài thì sợ lắm, cụ Ôn Như Hầu chẳng đã thốt lên:

“Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán

“Giết chết người trên cạn mà chơi!”

- Ôi dào. Chỉ là văn chương hư cấu tượng tượng của mấy cụ nhà thơ! Ông thuộc loại vô thần. Thế đã đi lễ ở chùa Ngọc Hoàng bên Đa Kao chưa? Không linh thiêng sao người ta thờ, người ta chen vai thích cánh bê lễ lạt vào cúng ngày cúng đêm đầy thôi. Xin con có con, xin buôn may bán đắt – đắt liền. Ngay cả đạo xưa nghe đâu mấy ông bà vượt biên cũng đến xin xâm xin quẻ. Được “tuốt”.

- Được tuốt hay là may mắn thoát chết không bị bão như quê ông? Hoặc không gặp bọn cướp

biển Thái Lan, Mã Lai?

- Thì có thể là may. Mà may là do trời tức ông Ngọc Hoàng Thượng đế ban cho. Này ông, ông có biết từ ngàn xưa đến nay, từ mấy “cụ lớn” cho đến kẻ tiểu nhân đầy âm mưu thủ đoạn, tiền bạc chảy vào như nước, có thằng nào dám nói thật không? Hay chỉ dám nói là Trời cho.

- Vâng, lúc ấy, các ông đó sướng quá kêu trời rồi lúc vào khám cũng kêu trời. Nào trời ơi! Sướng quá. Nào trời ơi! Khổ quá. Vậy cái ông Ngọc Hoàng Thượng đế này ba phải à? Có lẽ cũng là một vị hôn quân bị bà Tây vương mẫu cho ăn “đào tiên” nên lú lẫn. Vì làm vua dưới trần thế tuy chỉ là đám con cái mà nào cũng tam cung lục viện. Ngoài Hoàng hậu, còn có Đông hậu, Tây hậu. Đọc sử ở trần gian thấy thiên đình và trần thế sao mà y hệt. Các hôn quân bạo chúa thường bị “vợ bé” làm cho mê hoặc, nói khác đi là loại rau nào sâu ấy và Võ hậu, Tây hậu trong sử sách của Trung Hoa là phiên bản của bà Tây vương mẫu chốn nhà trời chăng?

- Nói chuyện với ông chán bỏ mẹ. Nói với đầu gối còn hơn. Thế ông đi nhà thờ hay nhà chùa? Hồi giáo hay Ấn độ giáo?

- Tôi theo đạo ông bà, tôi thờ cúng những người trực tiếp cho cơm tôi ăn, cho áo tôi mặc. Ai đi thờ ông hàng xóm! Mà thôi bọn mình chẳng phải là triết gia triết diéc gì, thần học thần hành gì, nói về vấn đề tôn giáo lại thêm lảm chuyện. Ông không nhớ cái thời “loạn cào cào” tôn giáo sao. Phật, Chúa đều dạy từ bi hi xả bác ái cả; song cái bọn đội lốt tu hành đã “lộng giả thành chân” hoành hành nhiều như quân Tam phủ một thời ở đất nước này, ông không nhớ sao?

- Ủ thì thôi. Kiểu ông nhé. Tôi về sờ đầu gối...

- Và mong ông đêm nằm mộng thấy nghìn linh vật rồng lộn lên lộn xuống ...

Cuộc chia tay với cụ Tỏi, người đang nặng lòng về quê hương ruột thịt Quảng Ngãi và cũng là người luôn thể hiện rõ ý nghĩa câu ca dao bản địa “Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co”, trong lúc trà dư tửu hậu cùng chúng tôi, tưởng rằng cũng chỉ như mọi lần. Ai ngờ...



Người ta khi mong nhớ cố hương và luôn có tâm niệm trở về tất yếu họ phải có dăm ba sự ràng buộc thiêng liêng như mồ mả tổ tiên hoặc vài kỷ

niệm đến cũ càng mà vẫn khó quên. Còn như cổ hương đã sạch sành sanh như tờ giấy trắng hoặc đã bán, đã cho đi từ cái chổi cùn rế rách để đi nơi khác làm ăn như Lỗ Tấn thì còn gì để trở lại cổ hương. Đó chỉ là những hoài niệm của đời người đối với nơi chôn nhau đẻ máu. Ấy cuộc đời ông Tỏi cũng theo cha mẹ tha phương lập nghiệp xứ người. Cái huyện Bình Sơn xứ Quảng sỏi đá nghèo nàn đã từ lâu ông chẳng buồn nhớ tới, cũng chẳng bao giờ ông có ý niệm trở về. Thế mà nay nghe xác ông theo dòng sông Trà Bông tấp vào thôn Châu Ổ. Mới vài hôm trước ngồi cùng nhau trong cảnh Sài Gòn trời đất âm u và miền Trung đang bão lũ, ông ước mơ con cháu cụ Ròng bỏ hội hè đình đám vào lộn lên nhào xuống vài vòng thì quê ông đỡ biết bao. Đó là tình quê hương chứ cổ hương ông có còn gì!

Nghe tin dữ ấy, ông Trọng chạy đến báo tôi và thối mác:

- Mưa bão, lũ lụt mà ra đó làm gì?
- Thì ông chở tui lên nhà hấn sẽ biết rứa với răng.

Nhưng con gái ông Tôi là cô Trâm đang làm giám đốc một nhà xuất bản ở đường Nguyễn Đình Chiểu đã thuê một chiếc xe cứu thương của Bệnh viện 115 ra Quảng Ngãi rồi. Ông Trọng và tôi đành chờ.



Cụ Tôi chết. Thủ phạm tất yếu là dòng nước lũ đang cuồn cuộn kéo phăng cả nhà cửa kể gì đến thân phận phù du của con người như chiếc lá tre khô. Nhưng đối với cụ Tôi, từ lúc bước chân xuống huyện Bình Sơn quê nhà thì cụ Tôi không phải là một ông già sáu mươi nữa. Cụ Tôi bỗng nhiên đã “vuon vai” biến thành một chàng Tôi của hơn bốn mươi năm về trước. Trong cơn mưa lũ tứ bề, Tôi vẫn quyết đi thuê chiếc xe ôm chở mình về thôn Châu Ổ. Chiếc xe chở hai người nháp nhô chạy bám theo hàng cột điện ngoằn ngoèo trong bóng chiều. Nước như cao hơn cả đường chân trời bạc trắng màu mây hấp hối. Mới buổi trưa gió còn nhẹ, đường nội bộ từ nơi này qua nơi khác chỉ sấm sập bánh xe. Thế mà chỉ trong vài tiếng, nước lũ về như ngựa phi làm dòng sông Trà Bồng quần quai sục sôi phá vỡ dòng ngăn, các con đường thoáng cái đã

biến mất chẳng khác gì các cột điện cũng bị xóa đi bởi mưa làm tối tăm mặt mũi.

Bỗng cả xe và người rơi hẫng vào một khoảng đường đã lở. Dòng nước xoáy tít, đẩy bàn tay Tôi rời khỏi lưng người lái xe ôm, xe và người mỗi lúc một xa dần vũng lở. Tiếng Tôi thất thanh la được vài câu rồi tắt cả lại rơi vào sự im lặng rợn người. Tôi dùng hết sức đẩy chân lên, nhưng vẫn bị nước trôi đi. Không điếm tựa, anh ngập lặn trong dòng nước đục ngầu, uống có đến chục ngụm nước và rồi cứ thế là dần đi. Bỗng... người Tôi như được nâng lên, hóa ra là một xác người theo con sóng đẩy đang lập lòe phía dưới. Thế là anh vội quơ tay ôm chặt lấy. Cái xác bập bênh như một phao cứu sinh đưa anh trôi giữa cảnh sóng nước mênh mông. Mà thực ra lúc thập tử nhất sinh ấy, anh cũng chẳng biết nó là xác người chết đuối đã mấy hôm rồi. Chỉ đến lúc một con sóng khác nhồi lên làm đầu anh chúi xuống và ngụm nước hôi thối khủng khiếp từ da thịt nát vữa òa vào miệng, anh vội buông tay theo phản ứng tự nhiên và há miệng ới ra. Thế là cáo phao “xác chết cứu sinh” đời anh tuột mất. Anh lại vùng vẫy như cũ; nhưng sức yếu dần và gió và nước ở trên ở dưới đã bẻ cong người anh như một

con tôm. Cũng may một cụm tre non lờ bờ, trôi theo cả chùm rễ gốc, anh quơ tay trong con tuyệt vọng ai ngờ lại trúng phía ngọn tre đang xoắn lại với nhau. Hình như loài thảo mộc này trước con hồng thủy của trời xanh độc địa cũng đã biết yêu thương để đợi chờ cái chết cùng nhau. Còn anh, anh cô đơn dầy dụa, cố nắm chặt lấy bụi tre, đẩy mạnh thân mình nằm trên nó và chiếc cổ lúc nào cũng phải rướn cao lên. Nước rẽ hai bên đưa cái bè tre đó lúc nhanh lúc chậm trôi đi. Anh mơ màng tưởng như mình là Thạch Sanh đang được con vua Thủy Tề rẽ nước đưa xuống thăm cung điện của Long Vương.

Trong cảnh cung điện nguy nga lộng lẫy, Long Vương tự xuống ngai vàng chào đón anh. Tất cả các đoàn ca vũ nhạc kịch của Tứ Hải Long Vương đều được đưa về biểu diễn trong lúc anh cùng hoàng gia dự yến tiệc. Anh ăn thì ít mà nhìn thì nhiều bởi các tiên nữ múa khúc nghệ thường, xiêm y mỏng tựa tơ trời. Chỉ đến lúc các ban nhạc dưới thủy cung mới nhập về hát các bài hit-hop hoặc róc-riếc thì anh thấy đầu óc loạn cào cào và xin phép hoàng gia trở lại cõi trần. Thái tử Thủy Tề vội vào lấy một cây

đàn ra tặng anh rồi rẽ nước đưa anh về nơi quê cũ nhà xưa.

Anh giơ tay bật dây đàn thứ nhất. Bồng ngòi nhà trong phố huyện Bình Sơn của gia đình anh sừng sững hiện ra. Thuở đó tuy gọi là huyện nhưng thực tế nó chỉ như một thị trấn với mấy con phố lèo tèo, đường đất nhiều hơn đường nhựa. Vài chiếc xe hơi của cơ quan hành chính chạy đi lúc sớm, chạy về lúc chiều làm bụi mù. Xe bò chở củi, chở cát chậm rãi choán cả mặt đường. Nhà anh ở tuy là có tên đường, tên phố đứng san sát liền nhau nhưng cái thì mái ngói, cái thì mái tôn, cái thụt vô, cái chìa ra như một hàm răng mọc vô tổ chức. Bố mẹ anh, theo nghề ông nội truyền cho, chuyên sản xuất loại kẹo “cu-đơ”. Đây là một loại kẹo có nguồn gốc từ Hà Tĩnh đem vào. Loại kẹo này cũng có những giai thoại nghe thật buồn cười. Rằng thuở Tây còn ngự trị trên đất nước ta, tỉnh Hà Tĩnh có ông Hai Cu chuyên làm một loại kẹo dân dã để bán cho đám bình dân buôn thúng bán mẹt hoặc bán cho các cháu học sinh ở trước cổng trường. Đây là loại kẹo mà trên dưới là hai miếng bánh trắng nhưng lại không phải là bánh trắng vì nó rất mỏng, mỏng như giấy viết chữ nho ngày xưa... ở giữa chỉ

chít những hột đậu phộng màu nâu cánh gián dính lại với nhau qua một lớp đường mía như loại kẹo mạch nha. Đặc điểm của những hạt đậu phộng này đem rang giòn mà vỏ không bong ra. Đây có lẽ là loại lạc đặc sản của đất Hà Tĩnh và cũng là nghề gia truyền của ông Hai Cu. Do đó cứ mỗi lần đẩy xe đi bán rong trên phố, người ta cứ thấy tấm bảng viết bằng carton treo lủng lẳng phía trước là đồ xô tới mua. Kẹo của ông Hai Cu nhiều khi làm tắc đường phố. Xe bò, xe đạp, xe tay kéo bị dòn cục vì người mua. Cũng giống như ngày nay các lô cốt đào đường rào chắn xe cộ nổ máy tạo đủ âm thanh, rồi khói mỏng khói dày phun ra như một sân khấu âm nhạc không lồ phun khói đỏ, khói xanh che bít đi sự trần trụi vô duyên của các ca sĩ rên rỉ bài hát đầy lời lẽ thô bỉ. Mà thời “Tây thuộc” thì trèo me, hái sấu, đái gốc cây, bờ tường, xả rác, đổ nước ra đường... các thầy phú lít bắt gặp đều phạt tuốt, kể chi đến cái việc làm tắc đường trở ngại giao thông thì tội còn nặng đến thế nào. Do đó, một buổi chiều tan học, ông Hai Cu đã bị một thầy đội bắt cả xe lẫn người về bót với lý do học trò ào xuống đường mua kẹo của ông.

Thế rồi một cảnh diễn ra nơi buya-rô thầy đội xếp như một màn hài kịch và cũng từ màn hài kịch này thương hiệu kẹo Hai-Cu cũng đã đổi đời, sống huy hoàng đến tận ngày nay với tên gọi mới. Nghĩa là vừa “ghé” chiếc xe đạp xong, thầy đội bước vào văn phòng mặc chiếc nón mang phù hiệu “phú lít” lên giá, tiến lại chiếc bàn làm việc kéo ghế ngồi và cho gọi ông Hai Cu vào. Xoa hai bàn tay gò ghề xương xẩu vào nhau, thầy đội nhìn đăm đăm vào mặt Hai Cu hỏi:

- Tại sao anh lại treo cái bảng “mất thuần phong mỹ tục” trên cái xe bán kẹo của anh như thế?

- Dạ thầy... dạ quan dạy sao tôi không hiểu?

- Thế anh có biết tiếng *cu* nó chỉ cái gì không? Tại sao anh lại phơi cái “thổ tả” đó ra giữa chốn thanh thiên bạch nhật? Mà tôi hỏi thật: Con người sinh ra từ cổ chí kim mỗi người chỉ có... một cái ấy. Thế anh có hai hả? Đâu cởi quần ra cho tôi coi. Nếu không đủ “deux cu” tôi cho anh vào tù.

- Dạ bẩm quan... Có lẽ quan là người xứ Bắc kỳ nên quan không rõ phong tục xứ tui... Dạ xứ Bắc thì đứa con đầu được gọi là anh Cả nếu là trai; chị

Cả nếu là gái. Còn ở Trung kỳ xứ tui thì, được kêu là anh Hai hoặc chị Hai. Chứ còn ai cũng có tên tuổi ghi trong khai sanh cả.

- Thế khai sanh của anh ghi họ tên gì?

- Dạ là Võ Cu ạ. Dạ bởi vì phong tục xứ tui, nghe ông bà truyền lại, các cặp vợ chồng hiếm muộn hoặc cứ sanh ra mà nuôi không được nghĩa là đẻ con vài tháng lại chết non, hay chọn tên đẹp để đặt cho con cũng khó nuôi, nên các cụ cứ chọn các tên xấu xí cho chắc ăn. Thánh thần tiên Phật chẳng vị nào chọn các tên cu kiếc, hĩm hiếc về hầu. Thế là sống dai như ông Bành tổ...

- Thế nghĩa là anh đem ghép thứ bậc với cái tên cúng cơm của anh thành loại kẹo HAI CU.

- Dạ vâng.

- Nhưng như trên tôi đã nói. Tên kẹo anh bán mà gọi là kẹo Hai Cu nghe nó có vẻ...

- Dạ có vẻ làm sao ạ?



- Nghĩa là nó “đơ” lắm! Cho nên tôi đã nghĩ ra một cái tên mới cho anh gọi theo tiếng Tây nhưng vẫn còn nguyên cái “truyền thống” ở quê anh. Hơn nữa anh có thể giàu to mở lò kẹo sản xuất bán ra không những ở trong nước mà còn xuất khẩu sang mẫu quốc được. Bởi sao anh biết không?

- Dạ không.

- Đây nhé. Kẹo của anh là kẹo *Hai Cu*, bây giờ tôi ghép theo chủ trương Pháp Việt đề huề sẽ thành kẹo “*cu deux*”. Mà phát âm theo tiếng Tây giả cày vẫn là *cu-đơ*. Còn dân mẫu quốc nó thấy tên kẹo gì đọc lên thấy lạ. Nó tò mò mua. Thế là xuất khẩu không kịp.

Nói xong thấy đội mỉm cười khoái trí vì đã sáng tạo ra một từ đúng với đường lối chính sách *bịp* của mẫu quốc. Thầy phán:

- Thôi. Ra đẩy xe về. Ngày mai muốn bán kẹo rong trên phố thì gắn bảng mới vào. Tôi còn thấy đề *Hai Cu* nữa... là *A lê háp* vào nhà pha...

Cũng từ đó vùng Hà Tĩnh quê ta có loại kẹo *cu-đơ*, và ông nội của Tôi là cụ Trương Ớt nhờ làm công cho lò kẹo của ông *Hai Cu* mà học được nghề. Sau khi ông Hai mất và chiến tranh Pháp Việt

bùng nổ, cụ Trương Ớt về quê nhà ở huyện Bình Sơn đốt lò làm kẹo *cu-đơ*. Nhờ sự chăm chỉ làm ăn và có lẽ loại kẹo này vừa là loại kẹo lạ ở các vùng đất Quảng lại vừa rẻ tiền nên cơ ngơi làm kẹo của cụ Trương Ớt ngày một mở rộng. Đến đời con cụ là ông Trương Hành thì các thôn xã ở trong huyện thường về cất hàng tại nhà. Gia đình không phải cất công đi bỏ mỗi nữa và anh cụ Tỏi, người con trai duy nhất của cụ Trương Hành năm ấy cũng vừa mười bảy tuổi đang học cấp 3 của trường Huyện thường ngồi cân kẹo *cu-đơ* phụ gia đình trong những buổi nghỉ học. Không biết có phải là cái mạch thơ ca chảy ra từ đất kinh kỳ xứ Huế xuyên qua vùng Nam Ngãi hay sao mà bao chàng trai xứ Quảng đều rất thích làm thơ. Ta có thể mượn câu nói của một nhà văn, nhà chính trị nào đó để nêu cao tâm hồn thi ca của các chàng trai nơi ấy như sau rằng: “Ra ngõ cũng gặp anh hùng” thành “ra ngõ là gặp nhà thơ”.

Và đây đàn thứ hai trong cảnh sông nước mịt mù, Thái tử Thủy Tề xoay tay búng nhẹ khi Tỏi bị hoa mắt bởi ánh sáng trần gian. Tiếng đàn reo vui như tiếng đàn ngày “Kim Trọng gặp lại Thúy Kiều”, Tỏi thấy mình đang cùng nàng Kim Cúc tựa trên

lan can cầu Cháy nhìn mây chiều lã đẵng trôi đi. Tình yêu của anh với người thiếu nữ Châu Ô, nói văn chương thì đó cũng là “tiếng sét ái tình”.

Đó là một buổi sáng chủ nhật, Tôi đang ngồi coi hàng, định làm mấy bài thơ tặng nàng Hoa nàng Nguyệt cùng lớp. Chàng đang mơ màng nhìn lên tàn cây trướng cá trước cửa tìm tứ, tìm vản thì một thiếu nữ dừng xe, gạt chống. Chiếc nón lá bài thơ đã sẫm màu và đôi chỗ đã bong xước vừa mở ra thì Tôi buông bút sững sờ. Vẻ đẹp hồn nhiên trong trẻo như sóng nước Trà Bồng, như bông dừa vừa nở nhụy, đã làm tâm hồn Tôi rơi vào một khoảng trời đê mê rạo rực. Nàng Hoa cũng biến mất; nàng Nguyệt cũng chẳng còn; chỉ còn đây con người thôn Châu Ô.

Thế là chủ nhật nào Tôi cũng lấy xe đạp, chở mười ký kẹo *cu-đơ* từ nhà mình đến nhà Kim Cúc. Và từ đấy, họ đã hẹn hò thề bồi cùng nhau biết bao nhiêu lần bên hồ Đá Bàn bằng những câu cũ mèm quen thuộc tự cổ chí kim mà cặp tình nhân nào cũng nói. Rằng: “Thề có nước sông Trà Bồng kia ai phụ ai thì sẽ bị thần sông kia, hà bá dưới kia cuốn xác đem đi...”



Chiến tranh vùng Nam Ngãi càng ngày càng lan rộng nhất là thời gian từ đầu thập niên đến giữa thập niên sáu mươi thế kỷ trước, từ lúc quân Mỹ àoạt đổ vào thì các tỉnh thành, thị trấn hầu như bị cô lập. Dân chúng cũng phiêu bạt nhiều nơi. Lò kẹo *cu-đơ* của gia đình Tôi cũng chỉ còn làm cầm chừng và đến năm sáu bảy thì đóng cửa. Họ xuôi Nam bỏ lại mảnh đất sinh ra đã mấy đời với hy vọng đem cái nghề này phát triển nơi đất mới có tiếng từ xưa là “dễ sống mà khó về”. Nhưng thực tế cái loại kẹo *cu-đơ* dân dã này đã “chết” ngay từ lúc bố mẹ Tôi làm mẹ đầu tiên đem bán. Vì chôn phồn hoa này, lúc ấy tràn ngập kẹo Tây kẹo Mỹ cho đám con cái nhà giàu. Còn với trẻ nhà nghèo thì chúng lại thích “quay” kẹo kéo của mấy ông Bắc kỳ di cư. Nó vừa ngọt thanh, lâu lâu lại nhai được hột đậu phộng lẫn ở bên trong, tăng độ bù thèm khát, chứ còn cái *cu-đơ* ngọt bù nhiều quá làm chúng nghẹn họng. Ăn cái gì ăn ít thì thèm còn nhiều quá thì lại chán. Cũng chẳng khác gì con người ta ngày nào cũng ăn cơm nên “thèm phở”.

Trong lúc kinh tế gia đình khó khăn, Tôi bỏ học Tú Tài để thi vào ngành y tế phòng dịch. Anh học ở Long An một năm rồi tốt nghiệp ra làm việc ở

Cần Giờ. Khi có công ăn việc làm, gánh vác kinh tế gia đình được vài năm thì bố Tôi qua đời. Ngay từ buổi xa quê, Tôi thường đem nỗi buồn, nỗi nhớ gửi vào những lá thư về cho người yêu thôn Châu Ô. Lúc đầu anh còn nhận được hồi âm. Nhưng rồi mấy năm sau thì chỉ có thư của anh gửi đi mà chẳng có tin về. Anh đâu biết các huyện miền núi Sơn Trà – và ngay cả Bình Sơn, quê anh – cũng đã là vùng giải phóng.

Thời gian ba năm để tang bố vừa xong, Tôi chẳng còn hy vọng gì ở lời thề của thời trẻ dại. Anh tác lười nhủ thầm: Âu cũng là một mối tình đầy lãng mạn như bao mối tình trong văn chương sách vở cổ kim. Đôi lúc “cái máu thơ ca” vùng đất Quảng ngọc ngậy trong tim, anh cũng muốn dựa vào bài thơ *Le Lac* của Lamartine để than thở cùng nàng “Elvire Kim Cúc” bên hồ Đá Bàn ngày nào, nhưng nghĩ tới cảnh áo com lại thêm bà mẹ ốm đau trước mắt, anh thấy thơ văn chẳng ích lợi gì. Thế là anh lao đầu vào học tiếp để lên ngành cán sự. Năm sau anh lấy một cô y tá cùng sở. Khi đưa con gái đầu lòng là bé Trâm ra đời cũng là lúc anh phải nhập ngũ. Dầu sao nỗi nhớ mối tình xưa cũng thôi thúc lòng người khi có điều kiện. Do đó lúc mãn khóa ra

trường anh đã đăng ký về tinh nhà. Song cái ngành của anh lại được cung cấp cho chiến trường vùng 4, vùng sông nước mênh mông với rừng được bạt ngàn. Ở đó là cái chết luôn chờ đợi; thân phận người lính như ngàn cân treo sợi tóc. Chính lúc anh đang lội nước, lội bùn tìm cái sống trong cõi chết thì được tin mẹ qua đời. Đó là năm bảy mươi, bé Bích Trâm cũng vừa tròn hai tuổi...

Ông Tỏi dướn mình lên, Thái tử Thủy Tề cũng vội rẽ nước bước theo. Dây đàn thứ ba buông theo làn sóng, ông Tỏi vội nắm lấy bàn tay xinh xinh mũm mĩm của con, đem theo vào quãng ngày khổ ải.



Dạo ấy rừng còn dày đặc. Rễ cây này còn ôm ấp rễ cây kia tạo thành lá chắn cho các dòng nước lũ chảy về xuôi và cho dù có mưa bão liên miên, dòng lũ có như những con rắn khổng lồ âm âm đe dọa thôn làng nhưng dòng sông Trà Bồng đã hóa giải để những ruộng sản nương khoai vẫn xanh màu bát ngát.

Kể từ ngày Tỏi cùng gia đình bỏ lò kẹo ra đi, cái cửa hàng của nàng Kim Cúc cũng hiu hắt vắng

người, các trường học cứ dần dần đóng cửa. Không còn đâu cảnh bọn nhỏ chen chúc nhau đòi mua kẹo *cu-đơ* nữa, và nếu chúng có đòi thì cái lọ thủy tinh kia cũng chẳng còn gì ngoài mối tình mật ngọt như miếng kẹo của nàng và Tôi trong suốt mà hương xưa như còn phong kín. Rồi những buổi chiều mưa như chiều nay, lòng trĩu nặng nỗi buồn, nàng băng khuâng tự hỏi không biết rồi lời thề ước cùng Tôi có thành hay cũng chỉ như bong bóng giọt mưa kia vừa tự đã tan ngay. Mấy tháng đầu xa cách, nàng còn nhận được một hai lá thư của Tôi gửi về nhưng chỉ năm sau “con đường thư đi tin lại của những kẻ yêu nhau” đã hoàn toàn chấm dứt. Một khoảng trống giữa thôn quê với thành thị là một khoảng đất chết. Nhà Cúc cũng bị cháy rụi, lọ thủy tinh đựng kẹo *cu-đơ* vỡ tan. Hai mẹ con nàng phải sang ở nhờ nhà bà ngoại phía cuối thôn.

Tự cổ chí kim, chiến tranh bao giờ cũng gieo rắc đau thương khổ lụy cho người chết cũng như gia đình họ. Có lẽ chẳng ai “thích thú” điều này, mà tất cả đều do hoàn cảnh xô đẩy họ vào thảm cảnh tiến thoái lưỡng nan. Và lại khi mà “danh tướng công thành vạn cốt khô” thì sự khổ đau hệ lụy có khi đến tận ba đời.

Từ những tháng ngày nơi quê nhà, mọi sinh hoạt ban ngày chỉ là cầm chùng với những lo lắng rình rập cái chết đến bất ngờ. Tuổi xuân của Cúc lặng lẽ trôi đi bên hai bóng người đàn bà sáu, bảy mươi và sự nghèo khó trên mảnh đất yêu thương từ tấm bé tưởng như hai thân hình ấy già hơn cả số tuổi bây giờ. Cũng nhờ cảnh gia đình như thế nên nàng chỉ phải nhận công tác tại chỗ, không phải “thoát ly” như mấy phụ nữ cùng tuổi. Đôi khi cũng phải đi tái thương hàng mấy chục cây, lên vùng rừng xanh núi thẳm nhưng rồi lại được ưu tiên trở về làm việc tại chỗ. Với những dịp đi đi về về như thế, nàng bỗng chốc trở thành *đàn bà*. Mà người chồng tự dung nàng bị gán ghép ấy cũng chẳng ở đâu xa. Anh cùng thôn Châu Ổ với nàng nhưng đã “thoát ly” từ lâu. Một đêm anh trở lại thăm nàng. Hai người ngồi dưới mái hiên. Trời có trăng cao lồng lộng. Ánh trăng mát dịu mờ tỏ lọt qua tàu dừa phủ lờn nồng nàn chiếm đoạt của người con trai. Rồi bàn tay thô ráp lùa qua ống quần nàng. Những ngón tay ấy như bày rấn bò lên cao tới đâu thì hơi thở của nàng càng dồn dập bấy nhiêu. Con phát đục bùng lên dữ dội, nàng bấu chặt lấy anh. Buông xuôi. Hai người sau đấy nằm im bất động. Nàng

thở dài nghĩ tới Tôi, tới lời thề ước. Nước hồ Đá Bàn trước mắt nàng bỗng gợn lên những bọt vầng đục lờ mờ. Chẳng còn đâu một tình yêu, một ân ái hiển dăng. Nàng chột nghĩ tới từ “động cõn mà thực ra là động đục như loài vật”. Cúc lấy áo chùi nước mắt tủi hổ và bước vào nhà mặc cho anh đưa tay kéo lại.

Rồi lần sau và những lần sau nữa, cứ mỗi lần, bàn tay anh vừa đặt vào chỗ cũ thì Cúc lại nhẹ nhàng kéo ống quần xuống và bảo:

- Thôi anh.

Anh mất nguồn hưng phấn; nghĩ rằng Cúc không tin vào tình yêu của anh, vào lời anh hứa sẽ cưới nàng. Anh cầm tay nàng dịu dàng:

- Ngày mai ba mẹ anh sẽ vào thưa với bà và mẹ em, mình sẽ lấy nhau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Cúc mỉm cười không nói gì.

Anh đã hiểu lầm. Sự “cho” đi lần trước ấy không phải là sợi dây buộc chặt đời anh với em. Chẳng qua đêm ấy trăng xanh và đẹp quá em cũng như một con thú hưng tình thời kỳ đòi giao phối. Sau con mê sáng em đã thấy thân sông thân

biển, hà bá thủy tê vây chặt quanh em bằng tám lưới thủy tinh. Em không còn lối thoát. Trong tám lưới ấy vang động, xoáy buốt trong em lời thề đầu đời mà người con gái đó là em đã đánh rơi cái gì quý giá nhất... Anh hãy để cho em chờ đợi đến một ngày nào đó lời thề thâm kín của riêng em có sóng nước gió mây phân giải...

Cúc buông bàn tay sần sùi thô ráp của anh, bàn tay của một giai cấp mới đã vượt qua sự cuồng vũ nhảy múa trên da thịt nàng. Họa may dòng nước thánh nhiệm màu lúc nhắm mắt xuôi tay mới tẩy rửa được vết cuồng mê đêm ấy.

Mà trong cái thôn Châu Ô bé bằng bàn tay này thì sự việc xảy ra dù kín tới đâu người ta cũng biết kể chi đến việc người con trai một tháng đôi lần đến nhà nàng ăn ở, lại ngủ đêm ở đấy; nhất là khi ông bà Võ Tĩnh tổ chức lễ tưởng niệm, đưa con trai duy nhất đã hy sinh, Cúc cũng đem lễ tới với tình nghĩa xóm làng thì mọi người vô hình chung đã “phong” cho nàng là vợ liệt sĩ, là con dâu ông bà Võ Tĩnh. Từ đấy, người ta đã buộc cho nàng một cái dây oan nghiệt; chẳng còn chàng trai nào dám bén mảng tán tỉnh dù lúc đó nàng mới xấp xỉ ba mươi. Bỗng dưng nàng trở thành bậc “mệnh phụ

phu nhân” trong một cái xóm nghèo nàn nhất của huyện Bình Sơn. Chỉ đến khi ông Trương Tỏi xuất hiện, cái vỏ hào nhoáng trang kim nàng bị khoác ngót mười năm mới tuột ra kèm theo bao lời bình phẩm chê bai:

- “Này, hóa ra nó là người tình của tên nguy quân gài lại... bây giờ mới lộ mặt... cũng may nó chưa phá hoại được gì thì đã giải phóng...”

- “Hèn nào cứ mỗi lần lẽ lạt, tuyên dương đề cao người phụ nữ thì mặt nó vênh váo không thềm đến dự...”

Lúc ấy họ chỉ biết lấy thành tích cho thôn xã, nào có tìm hiểu sâu xa rằng giữa nàng và anh con trai ông bà Võ Tĩnh có cái gì để ràng buộc đâu. Một mảnh giấy cũng không, trong bản kê khai lý lịch của anh. Bây giờ nghĩ ra thấy “hố” nên họ bày ra cả một “chiến dịch” để xóa tên nàng trong cái thôn Châu Ổ anh hùng này. Nhưng đối với nàng, điều đó chẳng có gì quan trọng. Nàng vẫn yêu quý mọi người như yêu mảnh đất đã sinh ra nàng và nhất là tình yêu ngót hai mươi năm xưa lại rung rung òa vỡ trong tâm hồn nàng khi Trương Tỏi xuất hiện. Hai người giờ đã luống tuổi. Mỗi người một số phận

chẳng do họ tạo ra. Thời loạn ly đã chém đòi họ ra làm hai mảng. Song ông Tôi luôn luôn nhận phần lỗi về mình và lần nào ông cũng ngậm ngùi bảo nàng: “Tui mong em tha lỗi cho tui. Tui xin nhận sự trừng phạt của thủy thần sông Trà Bồng không ân hận gì cả, để tạ tẩm lòng em ngót hai mươi năm chờ đợi. Tui đã làm hoài phí, tàn lụi tuổi xuân em...” Những lúc ấy, nàng đã gục trên vai ông, nước mắt xé lòng muốn thú thực cùng ông rằng: “*Trăng xanh chưa lặn mà đòi em, em đã tự tay vấy bẩn cả vàng trắng...*” nhưng chẳng có bao giờ nàng có can đảm thú nhận cùng ông cái đêm hoang dại của mình.

Tình yêu của hai người cứ thế trôi đi trong mát mát nhớ nhung và mỗi lần chia tay nàng lại lấy miếng kẹo *cu-đơ* bẻ làm hai. Nàng cắn nổi đau thơ mộng vào lòng, còn ông, ông xé tàu lá chuối non gói cẩn thận bỏ vào chiếc túi đeo bên mình, bảo rằng: “để lúc lên xe...”

Một cơn sóng bỗng ập lên ngập đầu Trương Tôi, ông cố gơ tay nắm lại nửa miếng kẹo. Cuối cùng ông bỏ cả cái đàn Thái tử Thủy Tề tặng để dùng cả hai tay bơi; nhưng miếng kẹo *cu-đơ* cứ mờ dần, mờ dần rồi mất hút. Ông thấy mình cũng từ từ

chìm xuống lịm đi trong sông nước mịt mù. Hai hôm sau người ta thấy xác ông dạt vào bờ tre thôn Châu Ổ.



Hôm tôi và ông Trọng đến phúng ông, trời Sài Gòn vẫn còn mưa dữ. Con mưa này cũng chẳng khác gì cơn mưa hai tuần trước mà hai chúng tôi cùng ông Trương Tỏi ngồi cùng nhau trong quán “Cà phê 27” quen thuộc. Nhìn mưa ngoài trời, nhìn lễ hội kỷ niệm Ngàn năm Thăng Long – Hà Nội và nghe tin một dải miền Trung quê ông lũ lụt trắng đồng, Trương Tỏi đã ước mơ các cụ Rồng du chơi in ít thôi để bay vào, thò triệu cái vôi xuống thì dù rừng có phá tới tận gốc, thủy điện thủy điếc có xả hết công suất, quê hương ông vẫn bình chân như vại. Ước mơ là thế mà chẳng thấy đâu và Trương Tỏi đã chết vì *tình* ít ai ngờ được.

Ngày đến phúng, chúng tôi phải vén quần lên mới lội được vào nhà ông. Cũng may nền nhà đắp cao nên ông nằm trong hòm được khô ráo chứ còn ngoài sân thì nước vẫn quá mát cá chân. Người ta phải ngâm chân dưới nước mà thấp nhang vái ông. Thế mới thật là tình nghĩa. Bởi con gái ông, dù

đang làm tới chức giám đốc nhưng sách xuất bản ế ẩm, truyện in ra chẳng có người đọc, nên cô vẫn chưa có khả năng tạo dựng cơ ngơi cho gia đình được đôi chút khang trang. Căn nhà ấy vẫn là căn nhà Trương Tỏi mua từ ngày thi đỗ cán sự y tế.

Trước làn hương khói mong manh uốn lượn giữa hai ngọn bạch lạp to bằng cổ tay lung linh, hình Trương Tỏi đặt ở đầu hòm trẻ hơn lúc ông mất đến hai, ba mươi tuổi. Chắc là hình chụp lúc ông mới bốn mươi. Trên chiếc miệng hơi mỉm cười hóm hỉnh là hàng ria mép con kiến. Ánh lửa chập chờn nhìn hàng ria ấy như đang nhấp nháy. Ông Trọng nhìn tấm hình bảo tôi:

- Này cụ có còn nhớ bài thơ “Đồng hồ quả lắc” đạo ấy hẳn đọc không?

- Lâu quá tôi cũng chẳng nhớ. Ông còn thuộc không?

- Sao không thuộc. Bởi vì hẳn bảo đó là ở trong sách *Giáo khoa thư lớp đồng ấu*. Hóa ra hẳn bịa.

- Thì đọc lại nghe coi

- Hẳn làm thế này:

*Khen ai khéo chế ra mày
Lắc đi lắc lại suốt ngày suốt đêm
Biết giờ quất cứ nhìn kim
Mày không lắc nữa cái kim cũng thừa.*

- Thì đúng là hấn tả cái đồng hồ quả lắc rồi còn gì.

- Ông rõ đồ ba phải. Đạo đó ông cũng về phe tôi, gân cổ lên cãi là hồi bé học lớp đồng ấu làm gì có bài thơ này. Sao bây giờ ông lại bảo hấn đúng.

- Ờ... ờ...

- Ờ... ờ cái con khi. Hấn làm tôi mất bao công lao vào thư viện tìm kiếm. Nào là Quốc văn giáo khoa thư lớp sơ đẳng, nào là Quốc văn giáo khoa thư lớp dự bị và ngay cả Quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu của bốn cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận soạn mà có thấy bài thơ nào tả cái *đồng hồ quả lắc* đâu.

- Vậy sao?

- Hóa ra hấn chơi ngầm bọn mình cụ ạ. Thơ hấn làm có thể để mấy ông thầy giáo, mấy ông phê bình tán ra bảo là phép ẩn dụ, phép so sánh, có tính hiện thực... nghĩa là đủ thứ tính.

- Thôi ông, tôi làm thợ đục. Tối ngày chỉ biết cái đục lõm, đục đỉnh, cái tràng, cái bặt. Hiểu đéch gì văn chương các cụ... nhưng tôi đã “ngộ” ra bài thơ hán làm mà nói dóc là trong Quốc văn giáo khoa thư rồi.

- Ông *ngộ* làm sao?

- Thì cái quả lắc của hán có còn lắc nữa đâu. Cái quả lắc mà đứng im theo chiều thẳng dây rọi thì đời cái đồng hồ cũng vô dụng. Cái kim cũng chẳng nhúc nhích nữa. Kia ông nhìn xem trên bức tường gần bàn thờ gia tiên nhà hán cũng treo một chiếc đồng hồ quả lắc nhưng kim giờ kim phút chỉ lung tung, còn cái quả lắc cũng chẳng thấy lúc lắc. Có lẽ Trương Tỏi mua từ thời còn trẻ và cái dây thieu cũng đã đứt từ lâu. Cái đồng hồ đó bây giờ mới được cùng chủ nhân hội ngộ. Đó là điều tôi *ngộ*. Còn ông? ■

Đông Canh Dần
(26-10-2010)